

QTKDBH2

Câu 1: Sự cần thiết của quản trị nhân lực trong DNBH?

Quản trị nhân lực là một trong những chức năng quan trọng của quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng. Quản trị nhân lực là quá trình tuyển dụng, duy trì, phát triển và tạo điều kiện có lợi cho nhân lực trong một tổ chức nhằm đạt được những mục tiêu của tổ chức đó.

Quản trị nhân lực là khoa học, là nghệ thuật về việc quản lý con người quản lý người lao động trong doanh nghiệp.

Quản trị nhân lực đề cập đến việc lập kế hoạch nhân lực tuyển dụng, duy trì, phát triển nguồn nhân lực tạo điều kiện có lợi nhất cho người lao động trong doanh nghiệp nhằm giúp phát huy khả năng của người lao động, từ đó nâng cao NSLĐ, mang lại hiệu quả KT cho DN và thỏa mãn các lợi ích của người lđ.

Trong DNBH thì việc QTNL là cần thiết bởi vì DNBH cũng là 1 tổ chức kd như các dn khác. Đối với hđ kdbh, qtri NNL càng tỏ rõ sự cần thiết, bởi vì:

- Đặc thù của ngành BHTM là ngành kddv nên đội ngũ lđ phải là những người có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức và am hiểu các vđề ktxh và kỹ thuật liên quan đến nghề nghiệp.
- SPBH là sản phẩm trừu tượng, sp bh mang yếu tố vô hình thể hiện ở các điều khoản phức tạp, là sp không mong đợi vì vậy hđ kdbh gặp không ít khó khăn, đặc biệt trong giai đoạn giới thiệu và tung sản phẩm mới vào thị trường. Vì vậy dnbnh cần có đội ngũ lao động có năng lực chuyên môn để có thể tiếp cận được khách hàng.
- Khách hàng bảo hiểm rất đa dạng và loại hình bh rất phong phú. Vì vậy khi trình độ hiểu biết về bảo hiểm của người dân còn hạn chế thì việc kdbh gặp nhiều khó khăn. Để giải thích cho khách hàng hiểu rõ cán bộ bh không những phải có trình độ chuyên môn mà phải có kinh nghiệm thực tế. muốn vậy cần quan tâm đến quản trị NNL đặc biệt là công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự.
- Các dnbnh rất chú trọng đến vấn đề đầu tư quỹ nhân rồi. vì vậy cần lựa chọn người lđ có trình độ chuyên môn về bh và đầu tư.

Câu 2: chức năng, nhiệm vụ của bộ phận qtnl trong dnbnh?

Chức năng:

- Lập kế hoạch nhân lực dựa vào mục tiêu, phân tích công việc, xác định nhu cầu nhân lực. khi lập kế hoạch nhân lực phải biết phân tích kết quả quản trị nnl đã đạt được của thời kì trước, tình hình hiện tại nhất là xu hướng phát triển của thị trường nhân lực sắp tới, dự báo những biến đổi trong tương lai, xây dựng chương trình đề ra biện pháp thực hiện mục tiêu đã đặt ra.
- Tổ chức quản trị nnl: xác định cơ cấu tổ chức.
- Chức năng lãnh đạo: đòi hỏi dnbnh phải xây dựng tiêu chuẩn định mức, giao nhiệm vụ cho từng người, từng bộ phận trong từng thời gian...
- Chức năng kiểm tra: tổ chức hệ thống thông tin, thu thập thông tin đồng thời xd các chỉ tiêu và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả quản trị nnl.

Nhiệm vụ:

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, tuyên truyền hướng dẫn việc thực hiện các văn bản liên quan đến người lao động trong doanh nghiệp.
- Tham mưu cho lãnh đạo về mô hình tổ chức doanh nghiệp, giao nhiệm vụ cho các bộ phận.
- Dự báo những biến động về nhân lực, tham mưu cho lãnh đạo về việc tuyển dụng, đào tạo.
- Xác định tham mưu cho lãnh đạo ban hành các quy định qly toàn diện người ld.
Đây là tiêu chuẩn của cán bộ quản lý tiêu chuẩn đề bạt, tăng lương.
- Phối hợp với các bộ phận thực hiện đánh giá, xếp loại ld giải quyết các khiếu nại tố cáo.
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ cán bộ, bảo mật thông tin, đảm bảo an toàn cho người ld.

Câu 3: doanh thu của dnbh và các nhân tố ảnh hưởng?

a) Doanh thu từ hoạt động kdbh

Đây là nguồn thu cơ bản và đóng vai trò quyết định đối với hđ of dnbh. Hđ kdbh gồm có: kdbh gốc, kd tái bh và các hđ khác như: ĐLBH hay giám định tổn thất... doanh thu hđ kdbh được tính bằng số tiền phải thu sau khi đã trừ đi các khoản chi để giảm thu phát sinh trong kỳ từ các hđ kdbh.

b) Thu từ hđ tài chính:

Do các DNBH luôn có trong tay một lượng tiền nhàn rỗi tương đối lớn phải đem đầu tư cho nên nguồn thu từ hđ tài chính rất đáng kể. đối với các DNBH lớn gần như toàn bộ chi phí hoạt động và lợi nhuận từ nguồn thu này. Các khoản thu từ hđ tài chính bao gồm:

- Thu từ đầu tư chứng khoán, cho vay thế chấp, góp vốn liên doanh...
 - Thu lãi từ số tiền ký quỹ
 - Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán
 - Các hoạt động từ hoạt động cho thuê bất động sản, thuê văn phòng...
- c) Thu từ các hoạt động khác: thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, thu tiền phạt vi phạm hợp đồng...
- Các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu

Doanh thu là một chỉ tiêu đánh giá kết quả hđkd của Dn. Chỉ tiêu này đặc biệt có ý nghĩa đối với hoạt động của các dnbh vì cơ sở của hđ kd bh là quy luật số lớn, lấy số đông bù số ít

- Mức phí bảo hiểm. phí bảo hiểm là nguồn thu đầu tiên và đóng vai trò quyết định đối với hđ của dnbh. Việc định phí bảo hiểm phụ thuộc vào nhân tố sau:
 - + xác suất rủi ro: xác suất rủi ro cao thì mức phí phải cao và ngược lại
 - + điều kiện bảo hiểm: thể hiện phạm vi trách nhiệm đối với các rủi ro được dnbh nhận bảo hiểm. điều kiện bảo hiểm càng nhiều phạm vi baorhiem càng mở rộng phí bảo hiểm càng cao do khả năng chi trả bồi thường của cty bh càng lớn.

+ thời hạn bảo hiểm: khi thời hạn bảo hiểm dài có nghĩa là khả năng gặp phải rủi ro lớn hơn và mức phí cũng phải tăng lên.

+ giá trị bảo hiểm, số tiền bảo hiểm và hạn mức trách nhiệm của dnbnh: đây cũng là nhân tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp đến mức phí bảo hiểm.

+ chi phí quản lý dn: vì cfi qly, điều hành dn là một bộ phận cấu thành phí bảo hiểm toàn cầu.

+ nhân tố khác: tình hình cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, lợi nhuận từ hđ đầu tư của dn, quy định của pháp luật về mức phí sàn, phí trần...

- Số lượng khách hàng tham gia bảo hiểm: để cạnh tranh DNBH có thể giảm phí bảo hiểm, nhưng tổng doanh thu của dn vẫn ko giảm thậm chí còn tăng vì lượng khách hàng mua bh tại dn bh cũng tăng lên khi phí giảm. khi số lượng khách hàng tham gia bh lớn còn làm cho việc định phí của dn đảm bảo được quy luật số đông
- Quy định của pháp luật: doanh thu của dnbnh sẽ bị ảnh hưởng khi nhà nước quy định mức phí trần phí sàn. Thị phần của dnbnh có thể tăng or giảm dẫn tới doanh thu bị ảnh hưởng khi nhà nước thực hiện chính sách đóng cửa hay mở cửa thị trường bh. Một số quy định của pháp luật làm tăng lượng khách hàng tham gia bảo hiểm. ví dụ: quy định bắt buộc mua bh tn chủ xe cơ giới đối với người thứ 3, bh trách nhiệm của chủ sd ld đối với người ld.
- Hoạt động đầu tư của dnbnh: bên cạnh hoạt động kdbh bản thân hđ đầu tư cũng tạo ra doanh thu cho dnbnh. Ngoài ra hđ đầu tư còn ảnh hưởng đến việc định phí sản phẩm bảo hiểm.

Câu 4: chi phí của dnbnh và các nhân tố ảnh hưởng

- Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí hđ kd là khoản chi cơ bản trong dnbnh bao gồm: chi phí hđkd bh gốc, chi phí hđ kd nhận và nhượng tái bảo hiểm và chi phí cho các hoạt động có liên quan như chi giám định tổn thất, chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm, chi đề phòng hạn chế tổn thất... chi phí hoạt động kdbh được tính bằng số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ đi các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ từ các hoạt động kdbh.

Trong cơ cấu chi phí của dnbn, bên cạnh các chi phí trực tiếp nêu trên còn bao gồm các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. trong đó lớn nhất là chi phí nhân viên bảo hiểm gồm có: BHXH, BHYT phải mua cho nhân viên bn, tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp thôi việc và các khoản mang tính chất tiền lương phải trả theo quy định của pháp luật. các khoản chi phí bán hàng và quản lý khác , thường bao gồm chi khấu hao tài sản cố định, chi mua sắm văn phòng phẩm...

- Chi phí cho hoạt động tài chính

Khi thực hiện hoạt động tài chính, DNBH phải bỏ ra các chi phí cho hoạt động này như:

+ chi phí kinh doanh bất động sản, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu...

+ chi phí cho thuê tài sản

+ chi thủ tục phí ngân hàng, trả tiền vay

+ trích dự phòng giảm giá chứng khoán...

- Chi phí khác: chi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, chi phí cho việc thu hồi khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nay thu hồi được, chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng...
 - Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí
- Giá trị thiệt hại thực tế thuộc phạm vi bảo hiểm của đối tượng bn: giá trị thiệt hại thực tế này sẽ quyết định STBH của DNBH, là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi của dn. Nó được xác định dựa trên:

+ Mức độ thiệt hại thực tế: mức độ thiệt hại thực tế có thể cao hơn mức dự đoán do nhiều yếu tố khách quan tác động làm cho mức độ rủi ro tăng lên xét cả về số vụ và mức độ thiệt hại bình quân một vụ dẫn đến stbt cũng tăng cao hơn so với dự kiến. ngược lại mức độ thiệt hại thực tế cũng có thể thấp hơn mức dự đoán của DNBH từ đó làm giảm cfi bthuong. Khi quản lý chi phí DNBH phải đặc biệt chú ý tới nhân tố này.

+ phạm vi bảo hiểm: Phạm vi bn thể hiện giới hạn trách nhiệm của DNBH về phạm vi rủi ro bn, phạm vi không gian và thời gian, phạm vi STBH. Chính vì vậy phạm vi bn ảnh hưởng trực tiếp đến STBT or chi trả tiền bn. Phạm vi bn càng rộng,

mức độ thiệt hại thực tế của đối tượng bh thuộc phạm vi trách nhiệm của bh càng lớn và ngược lại.

- Công tác quản lý rủi ro: nếu dn làm tốt công tác này mức độ thiệt hại thực tế thuộc phạm vi bh sẽ giảm, kéo theo STBT hay chi trả bh cũng giảm. số tiền bt hay chi trả bh cũng giảm. STBT hay chi trả bh có thể lớn hơn nhiều so với chi phí DNBH bỏ ra để thực hiện công tác quản lý rủi ro. Nếu công tác quản lý rủi ro làm ko tốt thì hậu quả là ngược lại.
- Tình hình trực lợi bh: các hành vi trực lợi bh ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kd làm tăng chi phí của dnbn. Đồng thời hành vi trực lợi bh còn ảnh hưởng xấu đến đạo đức xh, kỉ cương pháp luật, làm nhiều thông tin và mất uy tín của dnbn.
- Trích lập quỹ dự phòng nghiệp vụ: các quỹ DPNV được tính là một khoản chi và chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong các dnbn. Dnbn phải trích lập dpnv theo quy định của pháp luật. mặc dù dpnv là một khoản chi nhưng thực chất dnbn vẫn nắm giữ lượng tiền này. Và chỉ cần một thay đổi nhỏ trong việc trích lập dpnv cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của dnbn.
- Quy định của pháp luật: quy định của pháp luật không chỉ ảnh hưởng đến dthư mà còn ảnh hưởng đến chi phí của dnbn. Ví dụ nhà nước quy định về lập dpnv hay nhà nước khống chế mức trả hoa hồng của dnbn cho các đại lý và môi giới bh.
- Tổ chức bộ máy hoạt động của dnbn: đây là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí quản lý của dn. Để đảm bảo nguyên tắc dàn trải và phân chia rủi ro, để phân phối sản phẩm đến tận tay khách hàng, các dnbn thường phải hoạt động trên phạm vi địa lý rộng. vì vậy một mô hình tổ chức bộ máy hoạt động hợp lý bao gồm cả tổ chức mạng lưới đại lý, môi giới hay cộng tác viên bh, sẽ giúp dnbn tiết kiệm được các chi phí quản lý của mình.
- Các biện pháp quản lý chi phí
- Dnbn phải có kế hoạch để luôn đảm bảo sẵn sàng bồi thường, chi trả cho khách hàng khi có rủi ro hay sự kiện bh xảy ra thuộc phạm vi bh.
- Dnbn cần xd các quy trình quản lý rủi ro cho từng loại nghiệp vụ, từng sản phẩm bh. Công tác đánh giá rủi ro ban đầu là cơ sở để dnbn có quyết định có nhận bh hay ko, phát hiện kịp thời những trường hợp có ý định trực lợi bh. Nếu dnbn chấp nhận bảo hiểm thì phí đóng là bn cho phù hợp với mức độ rủi ro được bh.

- Dnbh phải có các biện pháp chống trục lợi bh một cách hiệu quả như: quản lý hồ sơ khách hàng, hồ sơ bồi thường một cách chặt chẽ, cần ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại để hỗ trợ công tác quản lý. Cần làm tốt công tác giám định tổn thất để thực hiện bồi thường chính xác để tránh khách hàng trục lợi bh.
- Cán bộ bảo hiểm hay trước hết là cán bộ khai thác, giám định hay giải quyết bồi thường phải được đào tạo giỏi cả về chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
- Bên cạnh việc quản lý chặt chẽ chi phí bồi thường hay chi trả bh, quản lý chi phí hoa hồng cũng phải được chú trọng. bởi vì hoa hồng là khoản chi lớn khi dn chủ yếu sử dụng trung gian bh để bán hàng. Dn cần lựa chọn hình thức trả hoa hồng phù hợp, tăng số lượng hợp đồng mới nhưng vẫn đảm bảo chất lượng hợp đồng khai thác đặc biệt là trong bảo hiểm nhân thọ. Chẳng hạn hiện nay các DNBH nhân thọ thường chi trả hoa hồng cho đại lý trong một số năm đầu của hợp đồng và tỷ lệ hoa hồng giảm dần qua các năm.
- Đối với chi phí trích lập các quỹ DPNV, dnbh cần phải lựa chọn được phương án tối ưu và theo đúng quy định của pháp luật. nếu DPNV quá thấp sẽ ảnh hưởng đến khả năng chi trả hay bồi thường của các năm tiếp theo. Nhưng nếu lập DPNV quá cao thì lại ảnh hưởng đến kqua kd của dn.

Câu 5: Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm và các biện pháp quản lý chi phí?

- **1. Chi phí của DNBH.**
- Chi phí của DNBH được định nghĩa là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải chi, phải trích trong kỳ (thường là 1 năm), bao gồm:
 - ***Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**
 - -Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm được tính bằng số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi trừ đi:
 - +Chi bồi thường trả tiền bảo hiểm (theo hợp đồng gốc hoặc hợp đồng nhận tái).
 - +Chi hoa hồng cho đại lý, môi giới bảo hiểm.
 - +Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm.
 - +Chi giám định tổn thất.

- +Chi đề phòng hạn chế tổn thất.
- +Chi hoa hồng, nhận tái bảo hiểm.
- -Do đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, DNBH có các khoản phải thu nhưng lại không được coi là doanh thu mà là khoản để giảm chi phí phát sinh trong kỳ, bao gồm:
 - +Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm.
 - +Thu đòi người thứ ba bồi hoàn.
 - +Thu hàng đã xử lý, bồi thường 100%.
- -Ngoài ra, chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm còn phải kể đến các chi phí bỏ ra để thực hiện các hoạt động liên quan như:
 - +Chi giám định tổn thất.
 - +Chi bán hàng.
 - +Chi quản lý doanh nghiệp (chi lương cho cnv bán hàng, cnv quản lý DN).
 - +Các khoản đóng BHYT, BHXH.
 - +Chi trích khấu hao TSCĐ, mua dịch vụ...
- ***Chi phí cho hoạt động tài chính:**
 - Khi thực hiện hoạt động tài chính, DNBH phải bỏ ra các chi phí cho hoạt động này, như:
 - -Chi phí kinh doanh BĐS, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu...
 - -Chi phí cho thuê tài sản.
 - -Chi thủ tục phí ngân hàng, trả tiền vay.
 - -Trích dự phòng giảm giá đầu tư.
- ***Các khoản chi phí khác.**
 - -Chi phí cho việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
 - -Các khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng.
- **2. Các biện pháp quản lý chi phí.**
 - -DNBH phải có kế hoạch để luôn đảm bảo sẵn sàng bồi thường, chi trả cho khách hàng khi có rủi ro hay sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm.
 - -DNBH cần phải xây dựng các quy trình quản lý rủi ro cho từng loại nghiệp vụ, từng sản phẩm bảo hiểm. Công tác đánh giá rủi ro ban đầu là cơ sở để DNBH quyết định có nhận bảo hiểm hay không, phát hiện kịp thời những trường hợp có ý trục lợi bảo hiểm.
 - -DNBH phải có các biện pháp chống trục lợi bảo hiểm một cách hiệu quả như: quản lý hồ sơ khách hàng, hồ sơ bồi thường một cách chặt chẽ, ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại để hỗ trợ công tác quản lý.

- Cán bộ bảo hiểm, mà trước hết là cán bộ khai thác, giám định hay giải quyết bồi thường phải được đào tạo giỏi cả về chuyên môn và có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.
- Phải có cơ cấu tổ chức hợp lý nhằm tiết kiệm các khoản chi phí.

Câu 6 : doanh thu và các biện pháp quản lý doanh thu

1.khái niệm doanh thu của DNBH

- Theo nghị định 46/2007/NĐ-CP quy định về chế độ tài chính đối với các DNBH và DNMGBH ban hành ngày 27/3/2007, doanh thu của DNBH là toàn bộ số tiền DN phải thu trong kì(thường là một năm), bao gồm:DT hđ kd bh, dthu từ hđ tài chính và dthu từ các hđ khác. Số tiền phải thu trong kỳ ở đây bao gồm số tiền đã thu và sẽ thu phát sinh từ việc bán và cung cấp sp dịch vụ cho khách hàng trong kỳ.

a.dthu hđ khbh

đây là nguồn thu cơ bản và đóng vai trò quyết định đối với hđ của dnbh. Hđ kdbh gồm có: kdbh gốc, kd tái bh(nhượng và nhận tái bh) và các hđ khác có liên quan như đại lí bh, giám định tổn thất... dthu hđ kdbh đc tính bằng số tiền phải thu sau khi đã trừ đi các khoản chi để giảm thu phát sinh trong kì từ các hđ kdbh.

- Số tiền phải thu phát sinh trong kì từ hđ kdbh gốc là phí bh phải trả thu trực tiếp từ ng tham gia bh., từ hđ kd nhận tái bh là phí nhận tái bh phải thu từ các cty nhượng tái bh, còn từ hđ nhượng tái bh là hoa hồng nhượng tái bh phải thu từ các cty nhận tái bh.
- Ngoài ra, khi dnbh đứng ra làm dịch vụ địa lý cho các DNBH khác trong việc giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu ngh thứ 3 bồi hoàn , xử lý hàng bồi thường 100%, số tiền phải thu từ các hđ này cũng đc tính vào dthu phát sinh trong kỳ của DNBH.
- Cũng như các loại hình kd khác, DNBH có thể gặp phải trường hợp hàng bán bị trả lại, hoặc DNBH áp dụng chính sách giảm giá hàng bán. Đây đc coi là các khoản chi làm giảm thu phát sinh trong kỳ, là các khoản thu phát sinh trong kỳ nhưng phải trả lại bao gồm:
 - + hoàn phí bh: khi hđbh bị giải ước, khách hàng có thể đc hoàn lại một phần phí bh đã đóng với mức hoàn lại đã đc quy định trc ttrong hđồng

- + giảm phí đối với những khách hàng lớn, hoặc khách hàng ít bị tổn thất nhằm cạnh tranh lôi kéo và giữ khách hàng.
- + tương tự như trên, đối với hđ kd tái bh cũng có hoàn phí và giảm phí nhận tái bh, hoàn và giảm hoa hồng nhượng tái bh.
- b. thu từ hđ tài chính
- Do các dn luôn có trong tay một lượng tiền nhàn rỗi tương đối lớn phải đem đầu tư cho nên nguồn thu từ hđ tài chính là rất đáng kể. đối với các DNBH lớn gần như toàn bộ chi phí hđ và lợi nhuận là từ nguồn thu này. Các khoản thu từ hđ tài chính bao gồm:
 - thu từ lãi đầu tư chứng khoán, cho vay thế chấp, góp vốn liên doanh...
 - thu lãi trên số tiền ký quỹ. Để đảm bảo quyền lợi cho ng tham gia bh trong trường hợp cty bh bị phá sản, nhà nước yêu cầu các DNBH phải sử dụng một phần vốn điều lệ của mình để ký quỹ tại một ngân hàng và DNBH đc hưởng lãi trên số tiền ký quỹ đó.
 - hoàn nhập số dư dự phòng giảm giá chứng khoán. Do các DNBH thường đầu tư tiền nhàn rỗi vào chứng khoán với gtrị đầu tư lớn, để tránh sự mất giá của chứng khoán dẫn đến giảm gtrị của khaonr đầu tư, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của bh, các dn bh phía lập dự phòng giảm chứng khoán
 - các khoản thu từ hđ cho thuê bất động sản, thuê văn phòng..
- c. thu từ các hđ khác: thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi đc, thu tiền phạt vi phạm hđồng....

2. Các biện pháp quản lí dthu

- Quản lý dthu không chỉ là nhiệm vụ riêng của phòng chức năng tài chính- kế toán mà còn cần tới sự phối hợp của các phòng nghiệp vụ, phòng khai thác bh.
- doanh thu hđ kdbh là nguồn thu chủ yếu của các DNBH, do đó quản lí dthu phải tập trung vào quản lí dthu phí bh. Các biện pháp quản lý dthu cụ thể:
- phải tính toán hợp lý mức phí bh cho từng nghiệp vụ, từng đối tượng bh cụ thể dựa trên quy luật số lớn và phương pháp toán thống kê. Mức phí k đc đặt cao vì ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của dn, nhưng cũng k đc quá thấp ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của dn với khách hàng.
 - phải kiểm tra nghiêm ngặt việc thu phí của các đại lý, tránh tình trạng khê đọng tham ô bởi vì dn bh thường hđ trên phạm vi rộng lớn và bán hàng thông qua hệ thống đại lý, môi giới là chủ yếu. DN cần áp dụng các công nghệ

thông tin tiên tiến để kiểm tra, kiểm soát việc thu phí của các đại lý và các cty thành viên. Nếu tiền nhanh chóng được chuyển về quỹ tập trung, sẽ tránh thất thoát, kê đọng phí, nâng cao hiệu đầu tư. Để đánh giá về các thu phí bh trong kỳ cần so sánh lượng phí thực thu với lượng phí phải thu trong kỳ như sau:
Hệ số thu đủ phí bh = Lượng phí thực thu trong kỳ / Lượng phí phải thu trong kỳ

- Hệ số trên càng gần với 1 có nghĩa là công tác quản lý nguồn thu phí của DNBH càng tốt, phí bh phải thu từ các hợp đồng đã ký kết thu được càng nhiều. đối với những khách hàng chậm đóng hoặc cố tình không đóng phí bh theo kỳ hạn cần phải có những biện pháp mềm dẻo để tận thu.
 - thu hút khách hàng thông qua các biện pháp khác nhau như: hạ phí bh, tăng tỷ lệ hoa hồng khai thác... để từ đó tăng dthu. Nhưng DNBH phải quan tâm đến hiệu quả kdoanh, đến chất lượng khai thác, tránh tình trạng phải chi trả bồi thường lớn hoặc hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn.
 - bên cạnh nguồn thu từ phí bh, nguồn thu từ hiệu đầu tư cũng đóng vai trò quan trọng đối với DNBH, đặc biệt là DNBHNT. Khi đầu tư tiền nhàn rỗi, cần phải đảm bảo an toàn, hiệu quả vì đây là tiền đóng góp của khách hàng dùng để chi trả, bồi thường bh. Khi giá trị các khoản đầu tư bị giảm, DNBH phải lập các khoản dự phòng giảm giá theo đúng quy định của pháp luật. dn cần có bộ phận chuyên trách theo dõi tình hình đầu tư và thu đầu tư
- Ngoài dthu từ hai hiệu chính là hiệu kdbh và hiệu tài chính, DNBH còn có các dthu từ các hiệu khác như bán hay thanh lý TSCĐ, tiền thu vi phạm hợp đồng... đây là những nguồn thu không thường xuyên và cũng không nhiều, tuy nhiên các quản lý tài chính cũng cần có kế hoạch chặt chẽ theo dõi nguồn thu này, tránh tình trạng thất thoát, đặc biệt khi DNBH sở hữu một khối lượng lớn các loại TSCĐ.

Câu 7: Các loại quỹ dự phòng nghiệp vụ và ý nghĩa phương pháp trích lập?

1. Đối với DNBH phi nhân thọ

Các nghiệp vụ Bh PNT chủ yếu gắn với sự cố thiệt hại về tài sản và sức khoẻ con người: Bh tai nạn, bh Trách nhiệm dân sự và Bh con người PNT. Đặc điểm chung của các hợp đồng bh này là có thời hạn ngắn, quỹ Bh được quản lý theo kỹ

thuật phân chia nên việc xđ kết quả kd xác định trong năm tài chính. Nhìn chung, BH PNT phải trích lập các quỹ DPNV:

a) Dự phòng phí

- Mục đích: đảm bảo cho những rủi ro và chi phí chung lquan đến rủi ro chưa xảy ra và có thể xảy ra từ ngày khoá sổ niên độ tài chính đến ngày kết thúc kì hạn các hợp đồng BH.
- Hđ Bh dc kí kết vào bất kì thời điểm nào trong năm khi khách hàng có nhu cầu nhưng cuối mỗi niên độ, DNBH phải tiến hành khoá sổ. Do vậy sẽ có 1 lượng HĐ kéo dài hiệu lực sang năm tiếp theo và phải lập dự phòng phí để chi trả cho những RR nảy sinh từ HĐ này.
- Các phương pháp thường sử dụng:

✓ PP 1/24

Theo pp này, các khoản phí thu trong tháng giả thiết đều đc tính vào ngày 15 của tháng, 15 so với 360 ngày trong 1 năm là 1/24. Các loại HĐ:

+ HĐ thời hạn 1 năm

+ HĐ thời hạn 6 tháng: với những HĐ kí kết 6 tháng đầu sẽ kết thúc thời hạn vào 6 tháng sau nên chỉ cần trích lập dự phòng cho các HĐ kí kết vào 6 tháng sau.

+ HĐ thời hạn 3 tháng: DN phải trích lập dp cho các hđ vào 3 tháng cuối năm

✓ PP 50%

PP này giả định số phí đã thu được phân bố đều trong năm nên 50% sẽ thuộc về năm tài chính hiện hành, 50% thuộc về năm tài chính sau.



- ✓ Tại VN: theo quy định tại Thông tư 156/2007/BTC thì các DN BHPNT có thể trích lập dự phòng phí theo 1 trong các PP:
 - Tỷ lệ %: theo qđịnh của BTC:
 - + Nghiệp vụ BH hàng hoá vc = 25% tổng phí BH giữ lại của năm tài chính của nghiệp vụ này
 - + NV khác = 50% tổng phí BH giữ lại của năm tài chính của NV này
 - PP 1/8: HĐ có hiệu lực vào giữa quý đó.
 - PP tính theo số ngày còn hiệu lực của từng HĐ: đc coi là pp chính xác nhất nhưng đòi hỏi tính chi tiết và kiểm soát cao.

$$DP_{\text{phí}} = S_{\text{phí ca HĐ}} \times \frac{s_{\text{ngày còn hiu lc ca năm tài chính sau}}}{s_{\text{ngày ca HĐ}}}$$

b) Dự phòng bồi thường

Là loại dự phòng được trích lập từ phí BH nhằm mục đích thanh toán cho các trường hợp:

- Tổn thất đã xảy ra và đã xđ thuộc trách nhiệm của DNBH nhưng chưa giải quyết chi trả
- Tổn thất đã xảy ra nhưng DNBH chưa biết có thuộc trách nhiệm của DN hay không
- Tổn thất đã xảy ra nhưng DN chưa biết

PP trích lập:

- ✓ Kiểm tra từng hồ sơ yêu cầu bth: xđ tổng số tiền bth chưa thanh toán
- ✓ PP chi phí trung bình: DP bth đc xđ trên cơ sở ước tính về chi phí bth trung bình từng vụ khiếu nại

✓ PP nhịp độ Bth: DN ước tính về dp đc lập dựa trên nhịp độ thanh toán bth các năm trc đó.

⇒ ở VN, theo qđ tại thông tư 106 ngày 20/12/2007, DP bt đc trích lập theo 1 trong 2 pp:

+ PP hồ sơ yêu cầu bt

+ PP hệ số phát sinh bt: DP bt đc xác định qua các bước:

B1: Liệt kê số liệu BT qua các năm

B2: Cộng dồn STBT theo các năm tồn thất

B3: XD hệ số phát sinh BT và hệ số Psinh bth bình quân

B4: ước tính dự phòng BT

c) Dự phòng dao động lớn

- Nhằm mục đích thanh toán cho các tổn thất xảy ra lớn hơn so với dự kiến
- Đc trích lập theo pp thống kê
- Vn quy định: hằng năm các DNBHPNT trích từ 3-5% cho phí BH đc giữ lại, đưa vào quỹ DP dao động lớn, cho đến khi quy mô của quỹ này bằng 100% phí BH thực giữ lại

2. DN BẢO HIỂM NHÂN THỌ

DN BH NT thường trích lập các quỹ dự phòng:

a) DP toán học

- Là loại dp quan trọng nhất đối với DN BHNT. Đây là chênh lệch giữa gtrij hiện tại của các cam kết của DN và khách hàng
- Có thể lập theo pp: quá khứ hoặc tương lai
 - + Với pp quá khứ: DPTH là chênh lệch giữa tổng số tiền tích lũy từ phí BH đã thu đc và tổng ST tích lũy từ các khoản DNBH đã chi

- + Với pp tương lai: DPTH là chênh lệch giữa tổng STBH DNBH sẽ phải chi trong tg lai và gtri hiện tại của số phí BH sẽ thu đc trong tg lai
- ở VN, theo quy định tại TT 156, DNBH trích lập DPTH theo pp tương lai

b) DP phí:

- Áp dụng cho HĐ thời hạn dưới 1 năm
- Pp trích lập tương tự DNBH phi NT

c) DP chi trả:

- Tương tự DP BT của DN BH PNT
- Pp trích lập: PP thông kê số tiền phải chi trả theo hồ sơ khiếu nại

d) DP đảm bảo cân đối

- Nhằm thanh toán các biến động lớn về tỷ lệ tử vong
- Mức trích lập theo qđ: 1% lợi nhuận sau thuế cho đến khi = 5% doanh thu phí của năm

e) DP chia lãi:

- Nhằm thực hiện cam kết chia lãi của cty BHNT đối với khách hàng
- Số DP đc lập xđ = tổng số lãi phải chia theo cam kết và số tiền tích lũy của các khoản lãi chia đã công bố nhưng chưa thanh toán cho khách hàng.

Câu 8: Các chỉ tiêu phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm

Bao gồm:

1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

***) Tỷ số thanh toán hiện tại**

$$Rc = \text{Tổng tài sản lưu động} / \text{tổng nợ ngắn hạn}$$

->cho thấy DN có bao nhiêu tài sản có thể chuyển đổi để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Đây là chỉ tiêu đo lường khả năng trả nợ của DN.

***)Tỷ số thanh toán nhanh**

$$Rq = (\text{Tổng tài sản lưu động - tồn kho}) / \text{tổng nợ ngắn hạn}$$

->Tỷ số này cho biết khả năng thanh toán tức thời của DN, được tính toán dựa trên các tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để đáp ứng yêu cầu thanh toán ngay.

2. Các chỉ tiêu hoạt động

***)Kỳ thu tiền bình quân**

$$ACP = \text{Các khoản phải thu} / \text{Doanh thu bình quân 1 ngày}$$

➔ Tỷ số này phản ánh số ngày bình quân để 1 đồng hàng hóa, sản phẩm bán ra DN thu hồi lại được. Nó cho thấy tình hình tiêu thụ sản phẩm hay sức hấp dẫn của sản phẩm mà DN đang tiêu thụ cũng như chính sách thanh toán mà DN đang áp dụng.

***)Hiệu quả sử dụng tài sản cố định**

$$FAU = \text{Doanh thu thuần trong kỳ} / \text{giá trị TSCĐ bình quân trong kỳ}$$

***)Hiệu quả sử dụng toàn bộ tài sản**

$$TAU = \text{Doanh thu thuần trong kỳ} / \text{tổng tài sản trong kỳ}$$

->Tỷ số này cho biết hiệu quả sử dụng toàn bộ tài sản của DNBH: một đồng vốn DN bỏ ra tạo được mấy đồng doanh thu trong 1 kỳ kinh doanh.

3. Các chỉ số về lợi nhuận

***) Doanh lợi theo doanh số**

$$Rp = (\text{lợi nhuận thuần} / \text{tổng tài sản}) \times 100$$

➔ Tỷ số này cho biết 1 đồng DT thuần thì có bao nhiêu phần trăm lợi nhuận. Sự biến động của tỷ số này phản ánh sự biến động về hiệu quả hay ảnh hưởng của chiến lược bán sản phẩm, cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ.

***) Doanh lợi trên vốn**

$$R_r = (\text{lợi nhuận thuần} / \text{tổng tài sản}) \times 100$$

Hoặc : $R_r = [(\text{lợi nhuận thuần} + \text{lãi vay}) / \text{tổng tài sản}] \times 100$

➔ Chỉ số này còn được gọi là khả năng sinh lời của vốn đầu tư dùng để đo lường khả năng sinh lời của 1 đồng vốn đầu tư vào DN.

***) Doanh lợi trên vốn của chủ**

$$R_e = (\text{lợi nhuận thuần} / \text{vốn của chủ}) \times 100$$

➔ Chỉ số này phản ánh lợi nhuận DN thu được so với vốn đầu tư của các chủ sở hữu bỏ ra.

4. Một số chỉ tiêu đặc thù của DNBH

***) Khả năng thanh toán và biên khả năng thanh toán**

Biên khả năng thanh toán của DNBH là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả của DNBH.

***) Tỷ lệ phí giữ lại**

$$\text{Tỷ lệ phí giữ lại trong kỳ} = [(\text{Tổng phí BH} - \text{phí nhượng TBH}) / \text{tổng phí BH}] \times 100$$

***) Tỷ lệ chi quản lý**

$$\text{Tỷ lệ chi quản lý} = (\text{chi phí quản lý} / \text{tổng chi phí}) \times 100$$

-> tỷ lệ này cho biết để khai thác 1 đồng doanh thu phí, thì DNBH phải mất bao nhiêu đồng chi phí, từ đó để có biện pháp tiết kiệm chi phí

***) Tỷ lệ hoa hồng**

Tỷ lệ hoa hồng=(hoa hồng / tổng phí BH) x 100

->tỷ lệ này cho biết để khai thác được 1 hợp đồng doanh thu thì DNBH phải chi bao nhiêu đồng hoa hồng.

*)Tỷ lệ chi bồi thường

Tỷ lệ chi bồi thường=(tổng số tiền bồi thường /tổng chi phí) x 100

*)Tỷ lệ bồi thường

Tỷ lệ bồi thường=(tổng số tiền bồi thường hoặc chi trả trong kỳ /tổng phí BH thu được trong kỳ) x 100

->Đây là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tình hình hoạt động của DNBH.

Câu 9. Vai trò của hoạt động đầu tư trong DNBH

Trả lời:

Bảo hiểm là hoạt động tương trợ, tương hỗ, được hợp bởi sự tiết kiệm của nhiều cá nhân nhằm bù đắp những hậu quả thiệt hại do những sự kiện ngẫu nhiên tác động đến con người hoặc tài sản. Các DNBH thu phí bảo hiểm và có trong tay một quỹ tài chính rất lớn. Nhưng quỹ này sẽ không dùng để bồi thường, chi trả hết ngay , vì vậy DNBH có thể sử dụng lượng tiền nhà rồi để đầu tư. Có thể nói hoạt động đầu tư của DNBH có vai trò rất lớn không chỉ đối với DNBH mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế.

- **Đối với DNBH:**

Đầu tư có tầm quan trọng sống còn đối với hoạt động kinh doanh của bất cứ một DNBH nào. DNBH không chỉ có nhiệm vụ quản lý thu chi quỹ tài chính bảo hiểm mà còn phải phát triển quỹ tài chính này. Hoạt động đầu tư có hiệu quả chính là phát triển quỹ của DNBH. Nhìn chung, hoạt động đầu tư đối với DNBH có những vai trò cơ bản:

- Hoạt động đầu tư ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh của công ty bảo hiểm. Tỷ suất lợi nhuận đầu tư cao sẽ giúp DNBH có điều kiện giảm phí bảo hiểm, từ đó dành khách hàng từ các đối thủ cạnh tranh. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của thị trường bảo hiểm hiện nay. Việc tạo ra sản phẩm bảo hiểm với mức phí linh hoạt nhạy cảm với biến động của lãi

suất làm nảy sinh mối quan hệ qua lại giữa hoạt động đầu tư và hoạt động bảo hiểm.

- Hoạt động đầu tư chi phối chiến lược thiết kế và bán sản phẩm của DNBH thông qua việc định giá các sản phẩm BH, mở rộng phạm vi trách nhiệm hay tăng quyền lợi cho khách hàng.

- Hoạt động đầu tư giúp các DNBH kinh doanh BHNT thực hiện các nghĩa vụ tài chính của mình đối với người tham gia bảo hiểm. Bởi BHNT không chỉ có tính RR mà còn có tính tiết kiệm. Do đó việc đầu tư có hiệu quả tiền phí bảo hiểm không đơn thuần là phát triển quỹ tài chính, mà là trách nhiệm của DNBH để đảm bảo trả lãi cho khách hàng như đã cam kết.

- Hoạt động đầu tư giúp DNBH bù đắp sự mất giá của đồng tiền, bảo toàn quỹ tài chính bảo hiểm trước RR làm phát.

- Hoạt động đầu tư đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập và tăng cổ tức cho cổ đông, tăng quỹ khen thưởng phúc lợi và thu nhập người lao động.

- Ngoài ra, hoạt động đầu tư còn có một số ý nghĩa khác như: thông qua việc đầu tư bất động sản có thể khuếch trương quảng cáo công ty. Hay thông qua hoạt động cho vay có thể có thêm khách hàng...

- Đối với xã hội

Vai trò của hoạt động đầu tư thể hiện rõ nhất thông qua việc huy động vốn cho nền kinh tế quốc dân.

Bảo hiểm thực chất là hoạt động dịch vụ tài chính và các DNBH thực chất là các tổ chức trung gian tài chính. Cùng với các trung gian tài chính khác như NHTM, công ty chứng khoán..., DNBH sử dụng tiền nhàn rỗi đầu tư cho nền kinh tế được coi là kênh cung cấp vốn quan trọng và có một số ưu điểm so với các trung gian tài chính khác. Là một trung gian tài chính, DNBH thu hút, cung ứng vốn, góp phần đáp ứng các nhu cầu về vốn, thúc đẩy sự luân chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong nền kinh tế. Các lĩnh vực đầu tư của DNBH rất đa dạng: mua công trái, trái phiếu, cổ phiếu, tín phiếu... ở Mỹ.

Ngoài ra, hoạt động đầu tư còn có tác động không nhỏ đến sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, góp phần ổn định xã hội, tăng thu cho ngân sách nhà nước, tăng tích lũy cho nền kinh tế quốc dân.

Như vậy, trong nền kinh tế thị trường, hoạt động đầu tư là một vế không thể thiếu được bên cạnh hoạt động kinh doanh của DNBH. Hoạt động đầu tư vừa có ý

nghĩa huy động vốn tài trợ cho sự phát triển kinh tế xã hội, vừa giúp các DNBH tồn tại và phát triển.

Câu 10: Các nguồn vốn đầu tư và các nguyên tắc đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm?

1. Các nguyên tắc đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm

a. Nguyên tắc an toàn

-Hoạt động đầu tư cũng như bất cứ hoạt động nào khác, luôn đứng trước những rủi ro sau:

- + Rủi ro tín dụng: Xảy ra khi bên vay vốn của DNBH bị phá sản hay tái cơ cấu tổ chức, khiến họ không thể trả lại tiền đầu tư cho doanh nghiệp như đã cam kết.
- + Rủi ro lãi suất: Giá trị của các khoản đầu tư có lãi suất cố định chịu sự biến động lãi suất khi lãi suất thị trường thay đổi và tỷ suất thu hồi thực có thể biến đổi một cách tương tự.
- + Rủi ro thị trường: Xuất phát từ sự thay đổi của thị trường thuộc lĩnh vực mà doanh nghiệp đầu tư.
- + Rủi ro tiền tệ: Tỷ giá của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ luôn thay đổi làm cho giá trị của các khoản đầu tư không định giá bằng ngoại tệ sẽ thay đổi theo.

>> Việc đảm bảo nguyên tắc an toàn là quan trọng với DNBH để đảm bảo cam kết với khách hàng trong các hợp đồng khi sự kiện BH xảy ra với người được BH. Nguyên tắc này đòi hỏi DN phải đa dạng hóa các danh mục đầu tư, để phân tán rủi ro với các danh mục đầu tư khác.

b. Nguyên tắc sinh lời

-Hoạt động đầu tư phải đảm bảo tạo ra lợi nhuận. Lợi nhuận là cần thiết để tăng cường sức mạnh tài chính của DN, thực hiện các chiến lược của DN như: giảm phí, mở rộng phạm vi BH. Quản lý quỹ đầu tư cần đầu tư vào những lĩnh vực đem lại lợi nhuận hợp lý, đồng thời đảm bảo nguyên tắc an toàn.

c. Nguyên tắc đảm bảo khả năng thanh toán thường xuyên

- DNBH có thể phải thanh toán tiền cho người tham gia BH bất kỳ lúc nào khi có sự kiện BH xảy ra với người được BH. Các lĩnh vực đầu tư phải phù hợp với từng quỹ, đầu tư dài hạn hay ngắn hạn.

- Trong thực tế việc thực hiện đồng thời các nguyên tắc trên là một vấn đề phức tạp và mâu thuẫn với nhau. Khi DN thực hiện nguyên tắc an toàn, khả năng sinh lời sẽ giảm. Ngược lại nếu chú ý đến nguyên tắc sinh lời, rủi ro đầu tư sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của DN

2. Nguồn vốn đầu tư của DNBH

a. Vốn điều lệ

- Pháp luật Việt nam quy định theo nghị định số 46/2007/NĐ-CP: DNBH phi nhân thọ vốn pháp định là; 300 tỷ đồng. DNBH nhân thọ: 600 tỷ.

Nhà nước quy định vốn pháp định cao để bảo vệ quyền lợi của người tham gia BH. Nếu DNBH làm ăn không hiệu quả, không đủ tiền trả tiền cho khách hàng nhà nước sẽ lấy từ vốn điều lệ để trả lại cho khách hàng.

b. Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ dự trữ tự nguyện.

-DNBH cũng như các trung gian tài chính khác có chức năng quan trọng trong việc lưu chuyển vốn từ nơi thừa đến nơi thiếu thông qua việc thu phí BH của người tham gia BH và đầu tư phí một cách hiệu quả. Để đảm bảo khả năng thanh toán cho DN, nhà nước yêu cầu trích lập quỹ dự phòng bắt buộc. Luật Việt Nam quy định DNBH phải trích 5% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự trữ bắt buộc. DN phải luôn duy trì khả năng thanh toán của mình, ngoài quỹ bắt buộc phải lập quỹ tự nguyện.

c. Các khoản lãi của những năm trước chưa sử dụng

d. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ BH

-Theo nghị định của chính phủ số 46/2007/NĐCP, nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ BH= Tổng DPNV – các khoản tiền mà DNBH bồi thường (trả tiền BH) thường xuyên trong kỳ

-Trong các nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư.

Câu 11: Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của DNBH

I. Các nhân tố bên trong:

1. Các nghĩa vụ tài chính của DNBH :

Là nhân tố then chốt quyết định sự lựa chọn các hình thức đầu tư của DNBH đặc biệt là nghĩa vụ tài chính đối với ng đc bh. Nghĩa vụ này đc quy định tại các điều khoản của HĐBH. Ảnh hưởng của nghĩa vụ tc đối với khách hàng đến HDDT của DNBH đc thể hiện rất rõ nét thông qua sự khác biệt giữa NVTC của DNBH phi nhân thọ và nhân thọ.

a. NVTC của DNBH phi nhân thọ

- Nghĩa vụ đối với người đc bh: thực hiện thông qua việc lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm:
 - + dự phòng bồi thường cho các khiếu nại đã xảy ra nhưng chưa giải quyết kể cả các khiếu nại đã xảy ra nhưng chưa có thông báo. Những dự đoán về mức thanh toán khiếu nại trong tương lai thường ko chắc chắn kể cả dự đoán về thời gian khiếu nại lần số tiền phải trả cho các khiếu nại.
 - + Dự phòng phí bh cho các trách nhiệm chưa hoàn thành vì phí bh thường đc trả trc và trách nhiệm của DNBH với ng đc bh chưa kết thúc ngay. Dự phòng phí có thể dự tính đc và tương đối ổn định.
 - + Dự phòng cho các dao động lớn về tổn thất: dùng để bồi thường cho ng đc bh trong tr.hop mức độ tổn thất ngoài dự kiến . DP dao động lớn thường có mối liên hệ với quy mô số tiền bảo hiểm mà DNBH nhận bh và đc trích lập theo luật bh của từng nc hay tập quán của thị trường. dự phòng này có hình thức gần giống vốn của công ti do đó ảnh hưởng của nó tới hd đầu tư của dnbh có đặc điểm 1

nửa giống trách nhiệm đối với người đc bh và 1 nửa giống tr.nhiệm đối với cổ đông góp vốn vào công ty bh.

- Nghĩa vụ đối với cổ đông của DNBH: vốn chủ sở hữu của 1 DNBh phi nhân thọ thường đc đầu tư vào các tài sản có tỉ suất lợi nhuận cao mặc dù các tài sản này có thể có rủi ro thua lỗ và rủi ro thanh khoản cao hơn so với các tài sản khác. việc đầu tư từ nguồn vốn này ít bị hạn chế hơn so với đầu tư từ quỹ của ng đc bh. tuy nhiên ở một mức độ nào đó các DNBH cũng quan tâm đến rủi ro thanh khoản của các tài sản đầu tư mà dn nắm giữ vì vốn chủ sở hữu chính là chỗ dựa cuối cùng của dnbh để giải quyết những vụ khiếu nại rất lớn có thể xảy ra trong tương lai. vốn chủ sở hữu cũng phục vụ mục tiêu tài trợ cho việc phát triển kinh doanh lâu dài vì vậy nguồn vốn đó đc ưu tiên sử dụng để đầu tư vào các tài sản có khả năng thu đc lợi nhuận cao, đảm bảo giá trị của vốn chủ sở hữu tăng lên theo thời gian hay ít nhất cũng theo kịp với tốc độ tăng trưởng kinh doanh. Hoạt động đầu tư quỹ của các DNBH phi nhân thọ có những đđ cơ bản :

- + qui mô nhỏ hơn bhnt tính theo phí bh do đó việc lựa chọn đầu tư của các dnbh phi nhân thọ là rất hạn chế.

- + đầu tư ở nc ngoài của quỹ bh phi nhân thọ thường quan trọng hơn so với bh nhân thọ vì quỹ bh phi nhân thọ hình thành từ phí bh phi nhân thọ ko mang tính tiết kiệm nên ít chịu sự kiểm soát đầu tư ra nc ngoài hơn so với bhnt.

- + dù có tái bh nhưng các dnbh phi nhân thọ vẫn phải đề phòng thảm họa xảy ra. khi đó họ có thể cần một lượng tiền lớn trong 1 thời gian ngắn thanh toán khiếu nại. điều này đc gthichs tại sao các quỹ bh của dn phi nhân thọ thường đc dùng để thực hiện nhưng khoản đầu tư ngắn hạn và có tính thanh khoản cao.

- b. Nghĩa vụ tài chính của DBBH nhân thọ: cũng có 2 loại như dnbh nhân thọ :

- nghĩa vụ tài chính đối với ng tham gia bh

- nghĩa vụ tài chính đối với cổ đông

Vốn chủ sở hữu của dnbn nhân thọ khác phi nhân thọ ở chỗ nó thuộc sở hữu của các cổ đông và những ng tham gia bh đc quyền chia lãi .trong 1 số dnbn tương hồ số vốn này hoàn toàn thuộc sở hữu của những ng tham gia bh đc quyền chia lãi.

Bản chất nghĩa vụ tài chính đối với ng tham gia bh ở dnbn nhân thọ có ảnh hưởng lớn đến chính sách đầu tư của dn đặc biệt là đến việc lựa chọn các tài sản đc coi là đảm bảo cho các nghĩa vụ đó. nghĩa vụ tài chính với ng tham gia bh của dnbn nhân thọ có thời hạn dài hơn so với dnbn phi nhân thọ đặc biệt là đối với các nghiệp vụ bhnt có liên quan đến việc cung cấp sp tiết kiệm và hưu trí dài hạn .điều này có nghĩa là giới hạn thời gian cho việc đầu tư các quỹ của ng tham gia bhnt dài hơn nhiều so với quỹ của ng tham gia bh phi nhân thọ.

*đặc điểm hoạt động đầu tư các quỹ bhnt:

- tính dài hạn của hợp đồng chịu ảnh hưởng rất lớn của những thay đổi về lãi suất và lạm phát .
- do tính chất dài hạn của hợp đồng bhnt và nhu cầu chi trả có thể dự đoán khá chính xác nên các quỹ bhnt thường đc đầu tư vào các loại chứng khoán dài hạn.
- thu tiền mặt của các dnbn nhân thọ thường lớn hơn các khoản chi.ngoài ra các khiếu nại phát sinh có thể đc thanh toán đủ từ phí bảo hiểm và thu nhập từ đầu tư trong năm.do đó dnbn nhân thọ ít có nhu cầu đầu tư vào chứng khoán ngắn hạn.
- theo nghiên cứu của các chuyên gia tính phí một hợp đồng bh phù hợp với dnbn nhân thọ là một hợp đồng mà ngày thanh toán đáo hạn của hợp đồng trùng hoặc gần trùng với ngày đáo hạn của các khoản đầu tư.

2.Quy mô của dnbn

- các dnbn lớn tức là có vốn đầu tư lớn sẽ có phạm vi lựa chọn rộng hơn,có khả năng đầu tư vào nhiều danh mục khác nhau đặc biệt là khi có quy định jtr lệ đầu tư tối thiểu với một số lĩnh vực như bất động sản ,trái phiếu chính phủ..

- mức độ thanh khoản của các tài sản tài chính sẽ phụ thuộc vào quy mô đầu tư vào tài sản đó của doanh nghiệp so với quy mô của toàn thị trường.

3. chính sách phân phối lợi nhuận: nhân tố này chỉ ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp nhân thọ khi doanh nghiệp ký kết những hợp đồng bảo hiểm có cam kết chia lãi.

- nếu thị trường bảo hiểm địa phương có tập quán phân phối lợi nhuận cho người tham gia bảo hiểm dưới hình thức chia lãi bằng tiền mặt hàng năm thì doanh nghiệp sẽ chú trọng hơn vào mức thu nhập ngắn hạn từ việc đầu tư.

- ngược lại nếu việc phân phối lợi nhuận chọn người tham gia bảo hiểm nhân thọ được thực hiện dưới hình thức bổ sung vào số tiền được bảo hiểm hoặc trả thưởng khi hết hạn hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp ít quan tâm tới lợi nhuận đầu tư ngắn hạn, tập trung vào các đầu tư dài hạn.

4. các quan điểm đầu tư của người quản lý đầu tư : hướng đầu tư của doanh nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố nhưng suy cho cùng quan điểm đầu tư cuối cùng là do người quản lý chịu trách nhiệm quản lý hướng đầu tư quyết định trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

- nếu người quản lý đầu tư là người thận trọng họ thiên về lựa chọn những danh mục đầu tư có mức độ rủi ro thấp. ngược lại nếu người quản lý là người mạo hiểm họ có thể lựa chọn những danh mục đầu tư có mức độ rủi ro cao hơn như cổ phiếu công ty để tìm kiếm tỉ suất lợi nhuận cao.

II. các nhân tố bên ngoài

1. chế độ thuế : thuế là một nhân tố bên ngoài quan trọng có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, cụ thể :

- chính phủ thường ưu đãi không đánh thuế đối với lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nếu lợi nhuận được tái đầu tư để khuyến khích tăng đầu tư cho nền kinh tế.

- Doanh nghiệp sẽ tăng giá trị đầu tư vào những lĩnh vực được nhà nước khuyến khích thông qua việc giảm thuế.

- thuế ảnh hưởng đặc biệt tới việc lựa chọn hình thức đầu tư khi nhà nước có những ưu đãi thuế riêng cho các doanh nghiệp so với các nhà đầu tư khác..

2. Điều kiện của thị trường vốn

Quy mô của các thị trường vốn và thị trường tài chính trong nc có tác động quan trọng đối với sự lựa chọn đầu tư. các thị trường vốn đc tổ chức tốt có thể cung cấp một phạm vi rộng rãi các tài sản tài chính và điều này đc thể hiện trong danh mục đầu tư của các công ty bh. nếu thị trường vốn chưa phát triển đầy đủ sự lựa chọn hình thức đầu tư sẽ bị hạn chế.

3. Một số công cụ quản lí khác của nhà nc :

Việc DNBH đc phép đầu tư vào những lĩnh vực nào , giá trị đầu tư là bao nhiêu, thông thương đều bị pháp luật các nc khống chế. Sự quản lí của nhà nc đối với hd đầu tư của DNBH cũng phải thông qua pháp luật. Ngoài ra nhà nc còn định hướng đầu tư , đưa ra những danh mục đầu tư để DNBH lựa chọn, thậm chí còn giới hạn mức đầu tư tối đa , tối thiểu.

- Nhà nước phải quản lí chính sách đầu tư của các DNBH vì:
 - + để bảo vệ ng tham gia bh
 - + định hướng sự luân chuyển các quỹ đầu tư
 - + giảm nguy cơ tập trung quyền lực

12. Tại sao nhà nước phải quản lí hoạt động đầu t□ của doanh nghiệp bảo hiểm và quản lí theo những nội dung nào?

Trả lời:

Nhà nước phải quản lí hoạt động đầu t□ của doanh nghiệp bảo hiểm bởi vì những lí do chính sau:

-*Bảo vệ người tham gia bảo hiểm:* Việc quản lí của nhà nước đối vs các DNBH trong việc lựa chọn hình thức đầu tư là nhằm làm giảm bớt khả năng các doanh nghiệp này lâm vào tình trạng phá sản và để đảm bảo rằng nếu xảy ra phá sản thì những người tham gia BH sẽ bị thiệt hại ít nhất. Do người tham gia BH trả phí trước cho công ty BH, nên phương thức sử dụng các khoản tiền này cho đầu tư trước khi thanh toán tiền BH là mối quan tâm của người quản lí DNBH. Mối quan tâm này đối với các DNBHNT lớn hơn so với các DNBH phi nhân

thọ.Điều đó xuất phát từ tính chất dài hạn của các hợp đồng BHNT,quỹ đầu tư là các khoản tiết kiệm dài hạn của công chúng và quy mô của quỹ đầu tư thường rất lớn.

-Định hướng sự lưu chuyển của các quỹ đầu tư: Ở những nước kinh tế phát triển,các DNBH đặc biệt là các DNBHNT quản lí 1 tỉ lệ khá lớn cổ phiếu và tiền tiết kiệm cá nhân dài hạn.Vì vậy đôi khi chính phủ các nước này thấy họ cần phải định hướng sự luân chuyển của số cổ phiếu và tiền tiết kiệm này để phục vụ cho mục tiêu kinh tế cao hơn của chính phủ.Việc định hướng như trên nhằm vào 1 số mục tiêu sau đây:

- + Đảm bảo có đủ nguồn vốn để tài trợ cho các chương trình chi dùng vốn cá nhân và công cộng.

- + Đảm bảo để các quỹ được đầu tư vào nền kinh tế trong nước

- + Bổ sung vào thâm hụt ngân sách của Chính phủ

- Giảm nguy cơ tập trung quyền lực trong lĩnh vực tài chính: Tại 1 số nước chính phủ cố gắng đưa ra những giới hạn đối với chiến lược đa dạng hóa đầu tư của DNBH nhằm ngăn chặn các DN này sử dụng các nguồn lực tài chính của họ để kiểm soát các tổ chức tài chính #.Những hạn chế này ko chỉ giảm quyền sở hữu trong các DN tài chính phi BH như ngân hàng mà còn ngăn cản sự đa dạng hóa trong ngành BH.VD,1 số chính phủ ko khuyến khích các DNBHNT sở hữu các DNBH phi nhân thọ vs ngược lại.Tuy vậy,ở hầu hết các nước,Nhà nước đều cho phép các tổ chức BH vượt qua những hạn chế này thông qua việc sử dụng cơ chế công ty mẹ ko phải là công ty BH.Nhật bản là 1 trong số rất ít nước ko cho phép áp dụng cơ chế này,mặc dù trong tương lai sẽ có sự thay đổi phù hợp với tiến trình tự do hóa thương mại đang diễn ra ở nước này.

Việc DNBH được phép đầu tư vào những lĩnh vực nào,gia trị đầu tư là bao nhiêu,thông thường đều bị pháp luật các nước khống chế.Sự quản lí của Nhà nước đối vs các hoạt động đầu tư của DNBH cũng phải thông qua pháp luật.Ngoài ra Nhà nước còn định hướng đầu tư,đưa ra những danh mục đầu tư để DNBH lựa chọn.Thậm chí còn giới hạn mức tối đa,tối thiểu.

Hiện nay ở Việt Nam,Nghị định 46/2007/NĐ-CP quy định giới hạn đầu tư trong các DNBH như sau:

Đối với DNBHNT:

+Mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu DN có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng ko hạn chế

+Mua cổ phiếu trái phiếu DN ko có bảo lãnh, góp vốn vào DN # tối đa là 50% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ BH.

+Kinh doanh bất động sản, cho vay, ủy thác đầu tư qua các tổ chức tài chính tín dụng tối đa 40% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ BH.

Đối với DNBH phi nhân thọ:

+Mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu DN có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng ko hạn chế

+Mua cổ phiếu trái phiếu DN ko có bảo lãnh, góp vốn vào DN # tối đa là 35% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ BH.

+Kinh doanh bất động sản, cho vay, ủy thác đầu tư qua các tổ chức tài chính tín dụng tối đa 20% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ BH.

Câu 13: Các hình thức đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm? Trong các hình thức đầu tư doanh nghiệp bảo hiểm nên lựa chọn đầu tư vào loại hình nào?

1) cho vay thế chấp: nó có vai trò rất quan trọng đối với DNBH đặc biệt là DNBHB nhân thọ vì:

-cho vay có tài sản thế chấp tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính. các quỹ của DNBH chủ yếu dc hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của người tham gia BH. vì vậy các khoản vay có đảm bảo là cách sử dụng có hiệu quả nhất nguồn quỹ này bởi nó đáp ứng dc các yêu cầu cơ bản của việc cho vay đó là tính thanh khoản cao, khả năng sinh lời và tính an toàn cao

-nó tạo ra thu nhập ổn định cho DNBH vì lãi suất vay đã dc thỏa thuận trước. người vay bắt buộc phải trả lãi theo cam kết trong hợp đồng. từ đó giảm rủi ro cho DNBH

-tạo một kênh huy động vốn cho nền kinh tế.dưới hình thức này DNBH đã hoạt động như 1 trung gian tài chính

-góp phần khuyến khích tiêu thụ sản phẩm BH: những khoản vay kết hợp với bán spBH sẽ mở rộng các dvu có thể cung cấp cho khách hàng

Hiện nay các khoản cho vay thế chấp của DNBH chủ yếu đảm bảo bằng những bất động sản

Ngoài ra các khoản vay theo đơn BH ngày càng gia tăng đặc biệt trong BH nhân thọ

Các khoản phải dc đảm bảo rằng:

+bảo lãnh của ngân hàng

+bất động sản

+chứng khoán

+hợp đồng bảo hiểm

2)đầu tư chứng khoán

Là công cụ dc các DNBH sử dụng rộng rãi nhất.thu nhập từ các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm lãi cổ tức và lãi vốn đem lại cho DNBH rất lớn .ngoài ra nó còn có tính thanh khoản cao:đầu tư ck gồm co trái phiếu,cổ phiếu

Cổ phiếu: khi đầu tư vào cổ phiếu ngoài phần lãi thu dc từ thu nhập cổ tức,DNBH còn thu lãi vốn do có sự chênh lệch giữa giá thị trường hiện tại và giá mua vào

Giá của cổ phiếu lên hay xuống phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như tình hình hoạt động kinh doanh của công ty phát hành,nền kinh tế trong và ngoài nước,yếu tố tâm lý ,cung cầu của thị trường...do vậy khi DNBH đầu tư vào cổ phiếu cần nghiên cứu thị trường kỹ lưỡng để quyết đị nh khi nào mua khi nào bán để thu dc lợi nhuận cao nhất

Trái phiếu: trái phiếu là 1 loại chứng khoán dc phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận nghĩa vụ phải trả nợ của tổ chức phát hành với người sở hữu TP. TP là công cụ nợ do chính phủ hoặc các DN phát hành

-TP chính phủ: có độ an toàn cao tỷ suất lợi nhuận thấp hơn trái phiếu công ty

-TP công ty: tỷ suất lợi nhuận cao hơn nhưng rủi ro hơn trái phiếu chính phủ

Hình thức đầu tư vào trái phiếu ở Việt Nam ở trong thời gian qua là chủ yếu đặc biệt là DNBHNT năm 2007 tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu cp là 55,9%

3) đầu tư bất động sản

Đầu tư BDS cũng là 1 kênh đầu tư quan trọng của DNBH vì:

-nó duy trì sự ổn định giá trị, việc đầu tư vào BDS gần như k bị phụ thuộc vào yếu tố lạm phát

-đa dạng hóa danh mục đầu tư cho DNBH thông qua việc đầu tư vào nhiều bất động sản khác nhau như văn phòng, khách sạn, nhà ở, cửa hàng...

-phát huy tác dụng khuếch trương, quảng cáo, nâng cao hình ảnh của công ty bằng việc sở hữu những tòa nhà đẹp đảm bảo đẹp, to lớn và chất lượng..

-cung cấp nơi làm việc thuận lợi cho khách hàng từ đó thắt chặt thêm mối quan hệ với khách hàng

Tuy nhiên việc đầu tư vào BDS có rủi ro thị trường cao tính thanh khoản thấp, khó chuyển đổi và mất thời gian chuyển đổi khoản đầu tư ra tiền mặt.

Ở Việt Nam kênh đầu tư này chưa phát triển rất nhiều hạn chế. năm 2007 chiếm 0.46%

4) các hình thức đầu tư khác

Tùy theo qui định của mỗi nước mà DNBH có thể đầu tư ở một số hình thức khác. ở VN đầu tư vào công trái, góp vốn liên doanh hay gửi tiền tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng

Lựa chọn đầu tư vào loại hình nào?

Mỗi hình thức đầu tư có những đặc điểm riêng về rủi ro, về tính thanh khoản...chính vì vậy DNBHNT hay DNBHPNT với những đặc điểm riêng có của mình sẽ phải lựa chọn hình thức đầu tư cho phù hợp với đặc điểm đó.và còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố

Câu 14:

I.

Hàng năm các DNBH đều phải tiến hành lập KH khai thác cho từng nghiệp vụ , từng loại SPBH. Để lập kế hoạch và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch khai thác có thể vận dụng các chỉ số sau :

1. Chỉ số nhiệm vụ kế hoạch (Ink)
$$Ink = Yk / Y0$$

2. Chỉ số hoàn thành KH (Ihk)
$$Ihk = Y1 / Yk$$

3. Chỉ số thực hiện (I)
$$I = Y1 / Y0$$

Ba loại chỉ số trên có quan hệ tích số :

$$I = Ink * Ihk = Y1 / Y0 = Y1 / Yk * Yk / Y0$$

Trong đó : Y1, Y0, Yk là mức độ khai thác kì báo cáo, kì gốc và kì kế hoạch.

Các mức độ trên (Y1, Y0, Yk) có thể là : số hợp đồng, số giấy chứng nhận bảo hiểm, số đơn bảo hiểm, doanh thu phí BH. Trong BHNT chúng có thể là : số hợp đồng khai thác mới, số phí bảo hiểm thi năm đầu tiên của những hợp đồng khai thác mới....

Ví dụ minh họa :

Năm 2000, DNBH C đã cấp được 10000 giấy chứng nhận BH xe cơ giới.
Năm 2001 DN đặt kế hoạch phải khai thác dc 12000 xe và thực tế khai thác được 14000 xe.

Như vậy các chỉ số phân tích được tính toán như sau :

$$I_{nk} = 12000/10000 = 1,2$$

$$I_{hk} = 14000/ 12000= 1,166$$

$$I = I_{nk} * I_{hk} = 1,2 * 1,166 = 1,4$$

II.

Trong quá trình khai thác có một số nghiệp vụ và một số SPBH phát sinh tính thời vụ như : BH xây dựng và lắp đặt, BH an sinh giáo dục... Việc xác định và vạch rõ tính thời vụ cho mỗi nghiệp vụ và mỗi loại SPBH là rất cần thiết. Bởi vì, tính thời vụ là cơ sở thực tế giúp DNBH tổ chức khai thác, bố trí sử dụng lao động hợp lý, chuẩn bị cơ sở vật chất cần thiết để kí hợp đồng BH. Phân tích tính thời vụ trong khâu khai thác có thể sd các pp:

- Tính chỉ số thời vụ theo các tháng trong năm ;
 $K_i = X_i / X$ (X ngang)

Trong đó :

K_i – chỉ số thời vụ tháng thứ i

X_i – mức độ khai thác tháng thứ i

X (X ngang) – mức độ khai thác bình quân một tháng trong năm

$$X(X \text{ ngang}) = \sum_{i=1}^{12} X_i / 12$$

Câu 15: Vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bảo hiểm và các phương pháp sử dụng để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm?

Trả lời: Vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bảo hiểm:

- Giúp doanh nghiệp BH đánh giá được toàn diện thực trạng hoạt động kinh doanh của mình, từ KDBH đến kinh doanh TBH và hoạt động đầu tư tài chính. Từ khai thác tài bảo hiểm đến các khâu giải quyết khiếu nại bồi thường và kiểm soát tổn thất trong bảo hiểm.
- Kết quả phân tích là cơ sở để đánh giá tình hình kế hoạch, thực hiện phương hướng và mục tiêu mà DNBH đã đề ra. Qua đó giúp DNBH lập kế hoạch về tất cả các chỉ tiêu, tiêu chuẩn có liên quan đến năm nghiệp vụ BH tương lai
- Qua phân tích, DNBH sẽ dự báo được xu thế phát triển của các hiện tượng kinh tế diễn ra trong tương lai như: dự báo nhu cầu tuyển dụng đại lý, dự báo khả năng về nguồn vốn...
- Giúp DNBH kiểm tra và hoàn thiện biểu phí và cách tính phí cho các loại sản phẩm BH khác nhau. Đồng thời, các báo cáo phân tích từng quý và hàng năm còn là cơ sở để kiểm tra nhà nước về hoạt động kinh doanh BH

Các phương pháp sử dụng để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm:

1, phương pháp chi tiết:

Thông thường trong phân tích, phương pháp chi tiết được thực hiện theo các hướng:

- Chi tiết theo các bộ phận cấu thành chỉ tiêu để biểu hiện về mặt lượng và xác định cơ cấu của từng bộ phận trong tổng thể. Qua đó đánh giá mức độ đạt được và vai trò của từng bộ phận cấu thành chỉ tiêu phân tích
- Chỉ tiêu theo thời gian để kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được về một chỉ tiêu nào đó theo tiến độ thời gian đã đặt ra, từ đó giúp DNBH tìm ra các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo hoạt động kinh doanh của mình
- Chỉ tiêu theo không gian nhằm đánh giá kết quả thực hiện của từng bộ phận, từng đơn vị, qua đó phát hiện các bộ phận, các đơn vị tiên tiến hay yếu kém trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh. Phương pháp này còn phát hiện được khả năng tiềm tàng để mở rộng thị trường triển khai sản phẩm mới...

2, phương pháp so sánh

- Xác định gốc so sánh : Gốc so sánh phụ thuộc vào mục đích và yêu cầu của quá trình phân tích. Các trị số của chỉ tiêu ở kỳ trước, kế hoạch, mục tiêu hoặc cùng kỳ năm trước gọi chung là trị số kỳ gốc và thời gian chọn gốc so sánh gọi chung là kỳ gốc. Thời kỳ chọn để phân tích gọi là kỳ phân tích. Ngoài việc so sánh theo thời gian phân tích hoạt động kinh doanh còn tiến hành so sánh giữa các đơn vị, bộ phận về một chỉ tiêu nào đó. Khi ấy gốc so sánh có thể là mức độ đạt được của một đơn vị tiên tiến nào đó hoặc là mức độ đạt được bình quân của cả DNBH
- Điều kiện so sánh: Khi so sánh theo thời gian cần đảm bảo các điều kiện về nội dung kinh tế của chỉ tiêu, phương pháp và đơn vị tính toán... Khi so sánh mức độ đạt được về một chỉ tiêu nào đó các đơn vị các bộ phận khác nhau cần đảm bảo tính chất so sánh được giữa chúng
- Mục tiêu so sánh: là xác định mức biến động tuyệt đối, tương đối và xu hướng biến động của mỗi chỉ tiêu phân tích

3, Phương pháp loại trừ

Loại trừ là một phương pháp nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh, bằng cách khi xác định ảnh hưởng của nhân tố này thì loại trừ ảnh hưởng của nhân tố khác.

Phương pháp loại trừ thể hiện rõ nhất khi phân tích “chỉ số tổng hợp” hoặc “chỉ số bình quân”.Hoặc cũng có thể dựa vào pp “ số chênh lệch” hay pp “ thay thế liên hoàn để loại trừ.Khi sử dụng pp loại trừ cần chú ý đến điều kiện vận dụng

4, Phương pháp liên hệ

Mọi kết quả kd của DNBH đều có mối liên hệ mật thiết với các bộ phận, các mặt, các yếu tố trong quá trình hoạt động kinh doanh. Để lượng hóa mối quan hệ đó ngoài các pp đã nêu, có thể sử dụng phổ biến các mối liên hệ sau đây để phân tích:

- Liên hệ cân đối
- Liên hệ cùng chiều và ngược chiều
- Liên hệ trực tiếp với liên hệ gián tiếp
- Liên hệ một chiều và liên hệ nhiều chiều
 - Liên hệ thực

Câu 16:Hệ thống chỉ tiêu sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm?

Để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNBH không thể dùng 1 chỉ tiêu mà phải có 1 hệ thống các chỉ tiêu.bởi vì nội dung của phạm trù hiệu quả kd của dnbnh rất rộng và phức tạp.tính phức tạp thể hiện ngay ở mối qh giữa kết quả và chi phí.mỗi chỉ tiêu phản ánh 1 mặt ,1 qtrinh kinh tế nào đó.nếu ký hiệu 1 chỉ tiêu chi phí nào đó là C và 1 chỉ tiêu kết quả kinh doanh nào đó là K thì chỉ tiêu hiệu quả H đc tính từ 2 chỉ tiêu trên sẽ là:

$$H=K/C \text{ hoặc } H=C/K$$

Như vậy về nguyên tắc cứ mỗi chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh so sánh với 1 chỉ tiêu chi phí nào đó sẽ tạo thành 1 chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh tính theo chiều thuận k/c hoặc chiều nghị ch c/k.nếu có n chỉ tiêu kết quả và m chỉ tiêu chi phí thì số lượng chỉ tiêu hiệu quả sẽ là $2m.n$

a)nếu đứng trên góc độ kinh tế:hiệu quả kinh doanh của dnbnh đc đo bằng tỷ số giữa doanh thu hoặc lợi nhuận với tổng chi phí chi ra trong kỳ:

$$H_d=D/C \quad (1)$$

$$H_e = L/C \quad (2)$$

Trong đó H_d, H_e : hiệu quả kinh doanh của DNBH tính theo doanh thu và lợi nhuận

D : doanh thu trong kỳ

L : lợi nhuận thu được trong kỳ

C : tổng chi phí chi ra trong kỳ

(1) Nói lên 1 đồng chi phí tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu trong kỳ.

(2) Nói lên 1 đồng chi phí trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận
2 chỉ tiêu trên càng lớn càng tốt

b) nếu đúng trên góc độ xã hội

hiệu quả kinh doanh được tính bằng 2 chỉ tiêu sau:

$$H_X = K_{TG}/C_{BH} \quad (1)$$

$$H_X = K_{BT}/C_{BH} \quad (2)$$

Trong đó: H_X : hiệu quả xã hội của công ty bảo hiểm

C_{BH} : tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

K_{TG} : số khách hàng tham gia trong kỳ

K_{bt} : số khách hàng được bồi thường trong kỳ

(1) Phản ánh cứ mỗi đồng chi phí bỏ ra thu hút được bao nhiêu khách hàng tham gia bảo hiểm

(2) Nói lên cùng 1 đồng chi phí bỏ ra đã góp phần giải quyết và khắc phục hậu quả cho bao nhiêu khách hàng gặp rủi ro trong kỳ nghiên cứu

Những chỉ tiêu trên phản ánh tổng hợp nhất mọi mặt hoạt động kinh doanh của DNBH. Ngoài ra nếu xét trên từng mặt, từng khâu và từng nghiệp vụ bảo hiểm có

thể tính dc các chỉ tiêu khác nhau để phục vụ cho quá trình đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh.tuy vậy các chỉ tiêu hiệu quả đều phải đảm bảo nguyên tắc khi xây dựng,điều đó có nghĩa là mỗi chỉ tiêu phải phản ánh dc trình độ sử dụng một loại chi phí nào đó trong việc tạo ra những kết quả nhất đị nh

1.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com